

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2024

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lệ Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Châu

Ông Đào Khel

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà B, đường số H, Khu dân cư T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà B, đường T, khóm T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2024 và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 17 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:

Bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N kết hôn với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Ông bà sinh được 02 (hai) người con chung tên Thạch N1, sinh ngày 24/12/2019 và Thạch Trần Mỹ N2, sinh ngày 07/4/2022. Ông bà chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.  
Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Thạch N.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thạch N1, Thạch Trần Mỹ N2 và không yêu cầu ông Thạch N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Bị đơn ông Thạch N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Thạch N. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Thạch N cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Thạch N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Diệu H, ông Thạch N và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Trần Thị Diệu H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Trần Thị Diệu H cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Ông bà thường xuyên gây cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ cho ông Thạch N biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H cung cấp. Ông Thạch N không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Thạch N không đến tham gia và bà Trần Thị Diệu H vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Diệu H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Diệu H được ly hôn với ông Thạch N.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N sinh được hai người con chung tên Thạch N1 (nam, sinh ngày 24/12/2019) và Thạch Trần Mỹ N2 (nữ, sinh ngày 07/4/2022). Bà Trần Thị Diệu H yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 cho đến khi cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 thành niên. Xét thấy, trong thời gian bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N sống ly thân với nhau, cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 sống chung với bà Trần Thị Diệu H. Các cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 ổn định về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống. Việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của cháu. Bên cạnh đó, ông Thạch N cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị Diệu H. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Trần Thị Diệu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Diệu H khẳng định có khả năng, điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thạch N1, Thạch Trần Mỹ N2 và không yêu cầu ông Thạch N cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Thạch N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Diệu H xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Diệu H xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Diệu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Thạch N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Diệu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Thạch Nhân (nam, sinh ngày 24/12/2019) và Thạch Trần Mỹ N2 (nữ, sinh ngày 07/4/2022) cho đến khi cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Thạch N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Thạch N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Thạch N1 và Thạch Trần Mỹ N2 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Diệu H xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Diệu H xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Diệu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001715 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Diệu H đã nộp xong án phí. Ông Thạch N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Trần Thị Diệu H và ông Thạch N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Lệ Hằng**